TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 3 -2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Điểm

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị X- Sinh năm: 1994
Nơi ĐKHKTT: Làng B, xã Phùng G, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Kiên M, xã Kiên T, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ng- Sinh năm: 1993
Địa chỉ: Làng B, xã Phùng G, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị X và anh Lê Văn N đều vắng mặt. Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị X trình bày: Chị và anh Lê Văn N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn

ngày 12/11/2013 tại UBND xã Kiên T, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình trạng này kéo dài mãi không thể cải thiện được mà ngày còn trầm trọng hơn. Mâu thuẫn này cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Từ cuối năm 2021 cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân hoàn toàn, trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Nguyên.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Long H – SN 27/4/2013. Hiện tại cháu đang ở với anh N. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là đồng ý giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn N trình bày: Anh và chị Bùi Thị X tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013 tại UBND xã Kiên T, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến thời điểm ly hôn. Theo anh Ntrình bày lý do chị X xin ly hôn anh là về vấn đề kinh tế, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Trong cuộc sống vợ chồng anh cũng có lúc xảy ra to tiếng cãi vã do chị X đi chơi về muộn anh có nói với chị X lời lẽ gay gắt, sau đó chị Xuyến không về nhà ở với anh nữa rồi bỏ đi luôn cho đến nay, nay chị X làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Long Hải – SN 27/4/2013. Hiện tại cháu H đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải cho đến khi cháu trưởng thành, anh tự nguyện không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn với anh Lê Văn N. Vợ chồng có một con chung là Lê Long Hải – SN 27/4/2013. Ly hôn đề nghị giao cháu H cho anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Chị X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc

con chung, không ai được quyền ngăn cản. Buộc chị Xuyến phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Xkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn Nguyên. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn Nkhông có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Ntheo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Nđã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh N không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh Nđã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh Nvẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị Xcó đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227, và Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Xuyến và anh Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên T, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/11/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Xuyến cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Nkhông thể hòa giải được do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình trạng này kéo dài mãi không thể cải thiện được mà ngày còn trầm trọng hơn nên hôn nhân không có hạnh phúc, chị Xuyến đã bỏ nhà đi không ở chung với anh Nkể từ cuối năm 2021 cho đến nay, thời gian ly thân cũng dài, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã Phùng G, huyện Ngọc L xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Anh Nthì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng, vợ chồng cãi vã to tiếng chỉ vì kinh tế gia đình khó khăn, tuy nhiên trong suốt thời gian chị Xuyến bỏ nhà đi nơi khác ở anh không có cách nào thuyết phục được chị Xuyến để vợ chồng quay về đoàn tụ, anh cũng không có phương pháp nào để hàn gắn tình cảm gia đình như trước được, việc chị Xuyến vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyên, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn anh Lê Văn N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị X và anh N thống nhất có một con chung là Lê Long H – SN 27/4/2013, lâu nay cháu đang ở cùng anh N cháu

được chăm sóc, giáo dục, phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn chị X và anh N đều có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Hải cho anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự (Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hải). Chị X không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Xuyến và anh Nđều có nguyện vọng giao con cho anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh Nxác định anh vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên anh tự nguyện không yêu cầu chị Xuyến phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận ý kiến của các đương sự.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị X và anh Lê Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn với anh Lê Văn Nguyên.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Long H – SN 27/4/2013 cho anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Chị Bùi Thị X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở..

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000326 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị Bùi Thị X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Xuyến và anh Nguyên. Chị Bùi Thị X và anh Lê Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Văn Điểm** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**